



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2009**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 03/2010**

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	2
1. Khái quát về quá trình hình thành, phát triển của Công ty .....	2
2. Những sự kiện quan trọng trong năm .....	3
3. Định hướng phát triển .....	3
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	4
1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm: .....	4
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch: .....	4
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm: .....	5
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai: .....	5
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....	6
1. Báo cáo tình hình tài chính: .....	6
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	7
3. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm: .....	8
4. Kế hoạch phát triển trong năm 2009 .....	8
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	10
V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN .....	10
1. Kiểm toán độc lập: .....	10
2. Kiểm toán nội bộ .....	10
VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN .....	10
1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức : .....	10
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức: .....	10
3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: .....	10
4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan: .....	10
VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....	11
1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành/niêm yết: .....	11
2. Các cá nhân trong Ban điều hành: .....	11
3. Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: .....	11
4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: .....	11
5. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị: .....	12
VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	12
1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: .....	12
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 06/03/2009. ....	15

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2009

Tên tổ chức phát hành/niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI.**

Địa chỉ: 934D2, Đường D, Khu CN Cát Lái, P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp.HCM

Điện thoại: 08.37421118

Fax: 08.37420923

Mã chứng khoán:

CLC

## I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Khái quát về quá trình hình thành, phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã được niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18 tháng 10 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

#### a. **Vốn điều lệ tại 31/12/2009: 131.038.300.000 VND**

- Vốn điều lệ được hình thành trên cơ sở phát hành cổ phiếu.
- Số cổ phiếu đã phát hành: 13.103.830 cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

Các cổ đông bao gồm:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam)	6.683.040	51
Cổ đông khác	6.420.790	49
<b>Cộng</b>	<b>13.103.830</b>	<b>100</b>

#### b. **Trụ sở hoạt động:**

- Địa chỉ: Đường D, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08. 3742 1118 - Fax : 08. 3742 0923
- Website: [www.catloi.com.vn](http://www.catloi.com.vn)
- Mã số thuế: 0303185504

**c. Hoạt động chính của Công ty là:**

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất, giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc-thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

**2. Những sự kiện quan trọng trong năm**

Năm 2009, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đã tăng trưởng tương đối cao đạt 1.150 tỷ đồng, so với năm trước tăng 24,49%, đây là sự nỗ lực phấn đấu rất lớn của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty trong điều kiện nền kinh tế trong nước cũng như thế giới phải chống chọi với đà suy giảm kinh tế.

Mặc dù lãi suất tiền vay trong năm 2009 đã ổn định hơn so với năm 2008 do được chính phủ hỗ trợ lãi suất, tuy nhiên do sự biến động tăng của tỷ giá ngoại tệ đã làm cho chi phí tài chính tăng so với năm 2008 là 10.701.302.656 đồng, trong đó riêng chi phí về biến động tỷ giá ngoại tệ tăng so với năm 2008 là 15.657.743.329 đồng. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của công ty làm cho lợi nhuận của Công ty trong năm dù có tăng hơn năm trước nhưng không tương xứng với sự tăng trưởng của doanh thu.

**3. Định hướng phát triển**

Căn cứ vào những kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua cụ thể là trong năm 2009 mặc dù giá cả nguyên vật liệu tăng cao, tỷ giá ngoại tệ diễn biến tăng bất thường nhưng Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty với quyết tâm cao đã khắc phục và vượt qua khó khăn lãnh đạo công ty đạt được kết quả khả quan. Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới vẫn còn tiếp tục gặp những trở ngại do chưa thực sự ổn định. Giá cả nguyên vật liệu, tỷ giá ngoại tệ có những diễn biến phức tạp theo chiều hướng tăng rất khó dự đoán điều này ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tuy nhiên với mục tiêu phấn đấu Công ty đã định hướng phát triển cho năm 2010 và những năm tiếp theo như sau:

**a. Định hướng năm 2010:**

- Dự đoán xu hướng giá cả nguyên vật liệu để chuẩn bị nguồn lực tốt nhất cho sản xuất nhằm hạn chế thấp nhất sự rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả, dịch vụ để tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển sản xuất đạt kết cao hơn năm 2009;

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm theo nhu cầu thị trường, tổ chức nghiên cứu thị trường cùng phối hợp với khách hàng dự báo xu hướng phát triển sản phẩm mới

nhất là sản phẩm cây đầu lọc tâm hương, đường kính nhỏ (slim), giấy sếp nhiều màu và giấy sếp đục lỗ;

- Đầu tư thêm 01 máy cắt giấy chia cuộn và 01 máy in ống đồng 9 màu trong năm 2010 để đáp ứng năng lực sản xuất, dự kiến máy cắt giấy chia cuộn được lắp đặt và đưa vào sử dụng trong tháng 04/2010, máy in ống đồng 9 màu được lắp đặt và đưa vào sử dụng vào cuối năm 2010;

- Tiếp tục hoàn thiện phương án mở rộng sản xuất tại phía Bắc;

**b. Định hướng phát triển các năm tiếp theo:**

- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn để giảm tỷ trọng nợ phải trả tránh sự phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay cụ thể như phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, chính sách chi trả cổ tức hợp lý vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông vừa đảm bảo vốn tích lũy cho công ty để đầu tư phát triển, ...;

- Tiếp tục đầu tư mới tài sản cố định nhất là thiết bị in để đáp ứng tốc độ tăng trưởng sản phẩm in mỗi năm từ 10% trở lên;

- Thành lập thêm các công ty con và tổ chức khai thác một cách hiệu quả.

- Phấn đấu giữ vững là công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc..

**II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:**

Mặc dù trong năm 2009, Công ty gặp không ít khó khăn do sự biến động của nền kinh tế thế giới cũng như trong nước nhưng công ty đã khắc phục vượt qua và đạt được những kết quả khả quan như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Các chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Tỷ lệ % 2009/2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	923.690	1.149.968	124,50%
2. Lợi nhuận trước thuế	52.478	54.697	104,23%
3. Lợi nhuận sau thuế	49.140	50.756	103,29%

**2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Thực hiện 2009</b>	<b>K. hoạch 2009</b>	<b>Tỷ lệ % T.hiện/K.hoạch</b>
1. Tổng doanh thu	1.151.693	925.000	124,51%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	54.697	50.000	109,39%

Ghi chú: Tổng doanh thu bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.149.968 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 1.558 triệu đồng và thu nhập khác: 167 triệu đồng.

### **3. Những thay đổi chủ yếu trong năm: Không có**

### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:**

- Sản phẩm của Công ty được các khách hàng tin tưởng sử dụng do chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt, giá cả cạnh tranh đồng thời Công ty rất chú trọng trong việc quản lý chất lượng sản phẩm.

- Thị trường sản phẩm của Công ty vẫn duy trì được ổn định và tăng trưởng. Thị phần sản phẩm nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc của Công ty chiếm tỷ trọng lớn tại thị trường trong nước.

- Công ty tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm theo nhu cầu thị trường, tổ chức nghiên cứu thị trường cùng phối hợp với khách hàng dự báo xu hướng phát triển sản phẩm mới nhất là sản phẩm cây đầu lọc tẩm hương, đường kính nhỏ (slim), giấy sếp nhiều màu và giấy sếp đục lỗ;

- Công ty tiếp tục đầu tư thêm 01 máy cắt giấy chia cuộn và 01 máy in ống đồng 9 màu trong năm 2010 để đáp ứng năng lực sản xuất, dự kiến máy cắt giấy chia cuộn được lắp đặt và đưa vào sử dụng trong tháng 04/2010, máy in ống đồng 9 màu được lắp đặt và đưa vào sử dụng vào cuối năm 2010;

- Tiếp tục hoàn thiện phương án mở rộng sản xuất tại phía Bắc;

- Quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập người lao động tăng trưởng ổn định;

- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn để giảm tỷ trọng nợ phải trả tránh sự phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay cụ thể như phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, chính sách chi trả cổ tức hợp lý vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông vừa đảm bảo vốn tích lũy cho công ty để đầu tư phát triển, ...;

- Phần đầu giữ vững là công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc..

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính:

##### a. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

Bảng một số chỉ tiêu đánh giá như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	86,24	81,50
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	13,76	18,50
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	59,10	57,42
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	40,90	42,58
Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	27,90	35,29
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,69	1,74
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,46	1,42
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,14	0,18
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,76	5,68
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,41	5,32
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	11,65	14,13
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	10,81	13,23
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	26,59	31,28

- Cơ cấu tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản của công ty trong năm nay đã giảm so với năm 2008 do tốc độ đầu tư vào tài sản cố định thấp hơn mức khấu hao tài sản cố định trong năm. Tỷ trọng tài sản cố định chiếm tỷ lệ thấp trên tổng tài sản là do hầu hết các tài sản cố định của Công ty đã trích hết khấu hao tuy nhiên các tài sản này vẫn hoạt động tốt và đáp ứng tiêu chuẩn công nghệ trung bình tiên tiến trở lên;

- Nhu cầu vốn lưu động tiếp tục tăng lên do sự tăng trưởng về doanh thu cùng với sự biến động về giá cả nguyên vật liệu làm cho việc dự trữ hàng tồn kho đảm bảo cho sản xuất cũng tăng vì thế tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn năm nay tăng hơn năm trước gần 2% và làm mất cân đối thêm giữa nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu cụ thể: nợ phải trả chiếm 59,1%, nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 40,9 %. Để giảm bớt sự rủi ro do phải phụ thuộc vào nguồn vốn vay công ty cần phải tiếp tục tích lũy bổ sung thêm nguồn vốn chủ sở hữu dưới hình thức tích lũy một phần lợi nhuận để đầu tư phát triển hoặc phát hành thêm chứng khoán (cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi..) để đảm bảo an toàn và chủ động nguồn vốn hơn cho việc ổn định và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Khả năng thanh toán hiện hành cũng như khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty là khả quan và ở trong mức độ an toàn. Công ty luôn thanh toán công nợ đúng kỳ hạn.

- Khả năng sinh lời của Công ty mang tính ổn định và bền vững tỷ lệ lợi nhuận gộp về bán hàng trên doanh thu năm nay đạt 10,73% là khả quan, tuy nhiên các tỷ suất sinh lời về lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều giảm sút với năm 2008, lý do chủ yếu do ảnh hưởng lớn của chi phí tài chính trong năm đặc biệt là chi phí chênh lệch tỷ giá ngoại tệ năm nay tăng 15.657.743.329 đồng so với năm trước.

**b. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo (vốn chủ sở hữu):** 190.877.880.710 đồng tương đương 14.567 đồng/cổ phiếu.

**c. Những thay đổi về vốn cổ đông:** Không có thay đổi.

**d. Tổng số cổ phiếu theo từng loại:** Cổ phiếu phổ thông: 13.103.830 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

**e. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:** Cổ phiếu phổ thông: 13.103.830 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

**f. Cổ tức:** Công ty đã trả tạm ứng cổ tức năm 2009 bằng tiền là 700 đồng/cổ phiếu, đã thanh toán ngày 25/12/2009 theo danh sách phân bổ quyền tại ngày đăng ký cuối cùng 08/12/2009. Mức cổ tức chính thức của năm 2009 sẽ được Đại hội cổ đông quyết định tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 23/03/2010.

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Các chỉ tiêu kế hoạch về kinh doanh như doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách đều đạt kết quả tốt tăng trưởng so với năm trước và vượt kế hoạch đề ra cho cả năm 2009 chi tiết như sau:



*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2008	Kế hoạch 2009	Thực hiện 2009	So sánh (%)	
				TH2009/ TH2008	TH09/KH09
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	929.221	925.000	1.151.693	123,94%	124,51%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	52.478	50.000	54.697	104,23%	109,39%
3. Nộp ngân sách	86.773	80.000	94.764	109,21%	118,46%

### **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm:**

- Công ty đã thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng, chủ động làm việc với khách hàng để điều chỉnh giá bán sản phẩm khi nguyên liệu đầu vào tăng giá nhằm đảm bảo lợi nhuận của Công ty gắn liền với lợi ích của khách hàng.

- Máy đục lỗ giấy sấp bằng công nghệ Laser CO2 được đầu tư trong tháng 12/2008 đã thực sự phát huy hiệu quả trong năm 2009 góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

- Thực hiện tốt công tác tổ chức nhân sự của Công ty: Bổ nhiệm các cán bộ trẻ có năng lực đảm nhận những vị trí quản lý để từng bước hoàn chỉnh bộ máy quản lý điều hành đáp ứng nhu cầu công việc và hướng phát triển của Công ty trong tương lai.

- Thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty, thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Nâng cao tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty, đặc biệt chú trọng tới tinh thần hợp tác của các cán bộ công nhân viên có trình độ quản lý tốt, có kinh nghiệm và tay nghề cao am hiểu nhiều trong lĩnh vực sản xuất chuyên ngành.

### **4. Kế hoạch phát triển trong năm 2010**

#### **a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

- Căn cứ vào kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua, với thực lực hiện có của Công ty cùng với việc xem xét đánh giá những yếu tố thuận lợi và khó khăn sắp tới. Công ty đã xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2010 như sau:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đvt</i>	<i>Kế hoạch 2010</i>
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.190.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	55.000
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	90.000
4	Sản lượng :		
	Sản xuất và tiêu thụ		
	- Cây đầu lọc ( <i>quy đổi</i> )	Triệu cây	12.300
	- Nhãn in ( <i>quy đổi</i> )	Triệu tờ	2.620
	- Giấy sếp các loại	Tấn	1.400

**b. Giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2010:**

- Giám sát và triển khai thực hiện việc quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ đã ban hành;
- Đàm phán ký kết hợp đồng mua, bán dài hạn với khách hàng nhất là đối với việc ký kết hợp đồng mua nguyên liệu chính phải nhập khẩu với số lượng và giá cả hợp lý nhất để đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vật tư sản xuất cho năm 2010;
- Thực hiện việc đầu tư đúng tiến độ các dự án máy cắt giấy chia cuộn, máy in ống đồng 9 màu có trang bị hệ thống Hotamping (ép nhũ) để đáp ứng năng lực sản xuất, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Áp dụng các công cụ tài chính linh hoạt để hạn chế thấp nhất sự rủi ro về biến động tỷ giá ngoại tệ, giảm thiểu chi phí hoạt động tài chính cho Công ty;
- Nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty bằng những ưu thế về chất lượng, công nghệ, giá cả cạnh tranh, dịch vụ hậu mãi...;
- Mở rộng xuất khẩu và thị phần trong nước bằng những chính sách thị trường hợp lý;
- Chú trọng xây dựng thương hiệu, giới thiệu hình ảnh Công ty qua các phương tiện thông tin đại chúng và Website của Công ty;
- Từng bước nâng cao thu nhập người lao động, trích thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích thi đua lao động xuất sắc. Trích thưởng cho Ban điều hành Công ty trong trường hợp thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh, hoàn thành kế hoạch năm 2010;
- Xây dựng và triển khai các chương trình hành động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như giảm tiêu hao nguyên vật liệu, áp dụng phần mềm ERP trong quản lý;

- Khuyến khích nghiên cứu công nghệ mới có tính thực tiễn cao, từng bước cải tiến công nghệ cũ nhằm khai thác tối đa công suất phục vụ sản xuất mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy nhân sự hoạt động hiệu quả, tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế hoạt động trong tình hình mới;
- Chủ động trước các nhu cầu trong tương lai của khách hàng bằng cách mở rộng nghiên cứu về công nghệ, thị trường, dự báo tình hình và xu hướng phát triển của sản phẩm nhằm có những thay đổi kịp thời và phù hợp.

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán (Phần phụ lục đính kèm).

#### **V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

##### **1. Kiểm toán độc lập:**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

##### **2. Kiểm toán nội bộ**

Không có.

#### **VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

##### **1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức :**

- Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt nam nắm giữ 51%.

##### **2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức:**

- Chưa có.

##### **3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:**

- Không có.

##### **4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:**

- Hiện công ty chưa có số liệu tài chính của công ty liên quan là Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam.

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành/niêm yết:

- Ban giám đốc: 01 Giám đốc, 01 Phó giám đốc.
- Phòng Tổ chức hành chính.
- Phòng tài chính kế toán
- Phòng Kế hoạch vật tư xuất nhập khẩu.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng Đầu tư.
- Phòng kỹ thuật.
- Kho vật tư thành phẩm.
- Phân xưởng In.
- Phân xưởng cây đầu lọc.

### 2. Các cá nhân trong Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1. Ông Bùi Tấn Hòa	Giám đốc	01/03/2008	
2. Ông Nguyễn Đức Hanh	Phó giám đốc	01/04/2008	

### 3. Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm:

Không thay đổi.

### 4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Chỉ tiêu lao động	Năm 2009	Năm 2008	Tỷ lệ % 2009/2008
Số lượng lao động tại 31/12	317	313	101,28%
Số lượng lao động bình quân năm	311	307	101,30%
Thu nhập bình quân người lao động (VNĐ/người/tháng)	<b>7.531.000</b>	<b>6.018.000</b>	<b>125,14%</b>

- Công ty đã áp dụng quy chế tiền lương để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động đem lại thu nhập cao. Thu nhập của người lao động năm nay đã tăng đáng kể so với năm trước phần nào bù đắp những khó khăn về giá cả tăng cao trong năm, đồng thời giúp người lao động yên tâm công tác. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian qui định mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.

- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm, thưởng động viên sản xuất... được công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.

- Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, đào tạo được công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

## 5. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:

Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 ngày 08/04/2009 đã miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị (do hết nhiệm kỳ) gồm các ông bà dưới đây:

Ông Phan Văn Tạo  
Ông Nguyễn Việt Dũng  
Ông Trần Sơn Châu  
Ông Nguyễn Thế Bảo  
Ông Bùi Tấn Hòa

Và đã bầu lại thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2009-2013 gồm các ông bà sau:

Ông Phan Văn Tạo  
Ông Trần Sơn Châu  
Ông Bùi Tấn Hòa  
Ông Cù Mạnh Đạt  
Ông Trương Bình An Sơn

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

#### a. Thành phần của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
Ông Phan Văn Tạo	Chủ tịch	08/04/2009	
Ông Trần Sơn Châu	Thành viên	08/04/2009	
Ông Bùi Tấn Hòa	Thành viên	08/04/2009	
Ông Cù Mạnh Đạt	Thành viên	08/04/2009	
Ông Trương Bình An Sơn	Thành viên	08/04/2009	

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1. Bà Mai Thị Thu Lan	Trưởng ban	08/04/2009	
2. Ông Nguyễn Văn Đạo	Ủy viên	08/04/2009	
3. Bà Trịnh Thanh Huyền	Ủy viên	08/04/2009	

**b. Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2009:**

- ✓ **Công tác điều hành :**
  - Đến nay, Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 phiên họp và ban hành 5 nghị quyết, tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
- ✓ **Công tác tổ chức**
  - Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị là Ông Trương Bình An Sơn để Đại hội cổ đông 2009 bầu vào Hội đồng quản trị Công ty. Thông qua việc bổ nhiệm 01 trưởng phòng Tiêu thụ - Thị trường, 01 phó phòng TCHC, 01 phó quản đốc phân xưởng cây đầu lọc.
- ✓ **Công tác ban hành quy chế :**
  - Hội đồng quản trị đã ban hành quy chế phân phối tiền lương tiền thưởng cho người lao động Công ty áp dụng từ 01/07/2010.
- ✓ **Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh :**
  - Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2009.
  - Đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh 2010 trình Đại hội cổ đông.
- ✓ **Công tác đầu tư:**
  - Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành 01 máy đục lỗ giấy sấp.
  - Phê duyệt dự án đầu tư 01 máy cắt giấy chia cuộn.
  - Phê duyệt dự án đầu tư 01 máy in ống đồng 9 màu.
  - Đồng ý chủ trương cho công ty nghiên cứu phương án mở rộng sản xuất tại Phía Bắc.
- ✓ **Công tác khác:**
  - Chuẩn bị tài liệu trình Đại hội cổ đông và tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2009.
  - Thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông.
  - Chỉ đạo giám sát Ban giám đốc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- ✓ **Công tác đánh giá, kiểm điểm của Hội đồng quản trị :**
  - Công tác tổ chức họp và ban hành nghị quyết : Hội đồng quản trị đã nghiêm túc tổ chức các phiên họp thường kỳ nhằm vạch ra các chủ trương đúng đắn cho công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả . Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát Công ty trong việc theo dõi triển khai những nghị quyết đã ban hành nhằm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại

hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty và chính sách của Nhà nước.

- Công tác điều hành công ty: Giám Đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban . Kết quả đều thực hiện đúng các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị , mang lại sự tăng trưởng cũng như hiệu quả cao cho Công ty trong năm 2009.

**c. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2009:**

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2008;
- Thẩm định báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty CP Cát Lôi về việc đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2009 trước khi trình ĐHĐCĐ trong phiên họp ngày 23/03/2010;
- Kiểm tra thu, chi, công nợ và các hợp đồng mua bán nguyên, phụ liệu;
- Kiểm tra chi phí, tình hình nhập xuất tồn kho công cụ lao động, định mức tiêu hao nguyên vật liệu 9 tháng đầu năm 2009;
- Thực hiện chế độ báo cáo quý cho Hội đồng quản trị công ty trong đó có phân tích, so sánh và đề nghị một số vấn đề liên quan đến tài chính;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo thư mời.

**d. Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:**

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện các cuộc họp Hội đồng quản trị đều mở rộng có ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển sang ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị và điều hành của Ban giám đốc;
- Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, phân xưởng trong công ty, các cổ đông trong cũng như ngoài công ty như hoạt động sản xuất kinh doanh, chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội ... để thực hiện thắng lợi nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra;
- Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

**e. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị:** Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chỉ hưởng thù lao theo công việc phục vụ cho Công ty. Không có thành viên Hội đồng quản trị nào có những quyền lợi riêng về giao dịch kinh doanh của họ với công ty.

f. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị: Không có thay đổi.

g. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và những người điều hành chủ chốt khác của công ty: Theo qui định của nhà nước và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua cụ thể:

- Mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp làm việc tại công ty gồm các ông Phan Văn Tạo, ông Trần Sơn Châu là 4.000.000 đồng/tháng/người.

- Các thành viên Hội đồng quản trị làm việc trực tiếp tại công ty gồm các ông Bùi Tấn Hòa, ông Trương Bình An Sơn, ông Cù Mạnh Đạt được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định của Nhà nước.

- Tổng chi phí thù lao, hội họp của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2009 đã chi là 191.019.935 đồng.

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 24/02/2010

### a. Thông tin chung về cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I.</b>	<b>Trong nước</b>	<b><u>827</u></b>	<b><u>12.596.506</u></b>	<b><u>96,13%</u></b>
1	Nhà nước	1	6.683.040	51,00%
2	Hội đồng quản trị, BGD, BKS	5	168.504	1,29%
3	Cá nhân trong công ty	90	867.295	6,62%
4	Cá nhân ngoài công ty	709	3.480.388	26,56%
5	Tổ chức trong nước	22	1.397.279	10,66%
<b>II.</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b><u>38</u></b>	<b><u>507.324</u></b>	<b><u>3,87%</u></b>
1	Cá nhân	29	21.684	0,17%
2	Tổ chức	9	485.640	3,71%
	<b><u>Tổng cộng</u></b>	<b><u>865</u></b>	<b><u>13.103.830</u></b>	<b><u>100%</u></b>

### b. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

- Danh sách cổ đông lớn



Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	25A Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.683.040	51,00%
2	Cty TNHH 1TV Thuốc lá Sài Gòn	152 Trần Phú, Quận 5, Tp.HCM	836.270	6,38%
	<b><u>Tổng cộng</u></b>		<b><u>7.519.310</u></b>	<b><u>57,38%</u></b>

- Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn: Các cổ đông lớn không thực hiện bất kỳ giao dịch mua bán nào trong năm, tỷ lệ sở hữu cổ phần cũng không có sự thay đổi trong năm.

Trân trọng./.

*Tp. HCM, ngày tháng 03 năm 2010*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**PHAN VĂN TẠO**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

*Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009  
đã được kiểm toán*

Được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	5 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 10
- Kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc **Công Ty Cổ Phần Cát Lợi** (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### **Công ty**

**Công Ty Cổ Phần Cát Lợi** được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí Nghiệp In Bao Bì Và Phụ Liệu Thuốc Lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 lần đầu ngày 19/02/2004 (đăng ký lại lần 7 ngày 08/08/2008) do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã được niêm yết cổ phiếu tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18/10/2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 131.038.300.000 VND.

Trụ sở của Công ty tại địa chỉ: Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- In trên bao bì.
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp.
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá.
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

### **Kết quả hoạt động**

Lợi nhuận sau thuế cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 50.755.734.805 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 43.770.728.818 VND.

### **Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

*Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:*

Ông :	Phan Văn Tạo	Chủ tịch HĐQT
Ông :	Bùi Tấn Hòa	Thành viên
Ông :	Trần Sơn Châu	Thành viên
Ông :	Cù Mạnh Đạt	Thành viên
Ông :	Trương Bình An Sơn	Thành viên

*Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:*

Ông :	Bùi Tấn Hòa	Giám đốc
Ông :	Nguyễn Đức Hanh	Phó Giám đốc

*Các thành viên Ban Kiểm soát*

Bà :	Mai Thị Thu Lan	Trưởng ban kiểm soát
------	-----------------	----------------------

Ông : Nguyễn Văn Đạo Thành viên  
Bà : Trịnh Thanh Huyền Thành viên

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.

Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các qui định có liên quan hiện hành.

Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 38/2007/TT - BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Cát Lợi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

*Tp.HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2010*

**Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

*Tp.HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2010*

**TM. Ban Giám đốc  
Giám đốc**

**Phan Văn Tạo**

**Bùi Tấn Hòa**

Số : ...../BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo Tài chính năm 2009  
của Công Ty Cổ Phần Cát Lợi*

**Kính gửi:**

- **Cổ đông Công Ty Cổ Phần Cát Lợi**
- **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Cát Lợi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Cát Lợi được lập ngày 21/01/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

***Cơ sở ý kiến:***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

***Ý kiến của kiểm toán viên:***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Tp Hồ Chí Minh, ngày ... tháng .... năm 2010*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**

**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**

**Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

**Dương Thị Quỳnh Hoa**

Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2009	01/01/2009
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>405.019.360.225</b>	<b>302.659.439.278</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>37.913.110.245</b>	<b>36.325.286.553</b>
1. Tiền	111	V.01	37.913.110.245	36.325.286.553
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>1.700.068.000</b>	<b>1.725.069.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.550.102.000	2.550.102.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(850.034.000)	(825.033.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>138.449.243.761</b>	<b>107.328.625.106</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		138.208.317.066	107.153.976.598
2. Trả trước cho người bán	132		68.163.860	149.294.535
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	172.762.835	25.353.973
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>225.038.377.396</b>	<b>149.647.148.958</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	225.038.377.396	149.647.148.958
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.918.560.823</b>	<b>7.633.309.661</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.283.290	16.029.554
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.337.280.112	3.826.688.693
3. Thuế và các khoản phải thu nh ã nước	154	V.05		123.060.778
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		562.997.421	3.667.530.636
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260)</b>	<b>200</b>		<b>64.647.614.033</b>	<b>68.693.510.560</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2009	01/01/2009
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>44.397.614.033</b>	<b>68.693.510.560</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	35.208.231.578	59.176.593.049
- Nguyên giá	222		335.306.850.047	335.029.600.982
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(300.098.618.469)	(275.853.007.933)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		8.484.322.925	8.811.857.981
- Nguyên giá	228	V.07	15.525.212.589	15.502.607.589
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.040.889.664)	(6.690.749.608)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	705.059.530	705.059.530
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20.250.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác (*)	258 259	V.09	20.250.000.000	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>			<b>469.666.974.258</b>	<b>371.352.949.838</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2009	01/01/2009
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>277.568.582.082</b>	<b>213.216.078.812</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>277.392.460.896</b>	<b>213.060.056.126</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	207.071.844.481	147.421.993.550
2. Phải trả cho người bán	312		57.311.786.316	45.824.474.865
3. Người mua trả tiền trước	313		616.562.925	1.452.213
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.235.855.275	9.641.169.559
5. Phải trả người lao động	315		4.970.512.850	7.055.678.363
6. Chi phí phải trả	316	V.12		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	5.185.899.049	3.115.287.576
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>176.121.186</b>	<b>156.022.686</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		176.121.186	156.022.686
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>192.098.392.176</b>	<b>158.136.871.026</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>190.877.880.710</b>	<b>157.089.191.169</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.038.300.000	131.038.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.164.550.736	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.470.515.886	1.800.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.428.835.270	2.514.835.270
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.950.000	504.950.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		43.770.728.818	21.231.105.899
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			

## **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2009	01/01/2009
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.220.511.466</b>	<b>1.047.679.857</b>
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		1.220.511.466	1.047.679.857
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSC Đ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>469.666.974.258</b>	<b>371.352.949.838</b>

## **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		201.538.769	157.979.854
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		42.066,20	2.439,58
- EUR		43,42	28,42
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

*Lập, ngày 21 tháng 01 năm 2010*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Bùi Minh Tuấn**

**Trương Bình An Sơn**

**Bùi Tấn Hòa**

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2009	Năm 2008
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	VI.15	<b>1.149.967.803.965</b>	<b>923.690.086.295</b>
2. Các khoản giảm trừ			
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>1.149.967.803.965</b>	<b>923.690.086.295</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	VI.17	<b>1.026.608.408.483</b>	<b>821.008.487.616</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>123.359.395.482</b>	<b>102.681.598.679</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.16	1.557.939.113	4.447.118.616
7. Chi phí tài chính	VI.18	45.615.465.701	34.914.163.045
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>11.150.368.241</i>	<i>14.990.673.378</i>
8. Chi phí bán hàng		12.755.023.241	9.803.856.005
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12.012.499.113	11.009.906.193
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>54.534.346.540</b>	<b>51.400.792.052</b>
11. Thu nhập khác		166.740.998	1.084.022.654
12. Chi phí khác		3.690.909	6.530.194
<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>163.050.089</b>	<b>1.077.492.460</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (*)</b>		<b>54.697.396.629</b>	<b>52.478.284.512</b>
<b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	VI.19	<b>3.941.661.824</b>	<b>3.338.593.740</b>
<b>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>50.755.734.805</b>	<b>49.139.690.772</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		<b>3.873</b>	<b>3.750</b>

(\*) Chi phí thuế TNDN hiện hành được miễn 50% thuế TNDN phải nộp từ năm 2007 đến năm 2015 với thuế suất thuế TNDN là 15%

Lập, ngày 21 tháng 01 năm 2010

Ngư ời lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Minh Tuấn

Trương Bình An Sơn

Bùi Tấn Hòa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>54.697.396.629</b>	<b>52.478.284.512</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>34.305.675.905</b>	<b>37.948.380.222</b>
- Khấu hao tài sản cố định		24.729.835.925	22.760.978.641
- Các khoản dự phòng		25.001.000	825.033.000
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			308.949.611
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.599.529.261)	(937.254.408)
- Chi phí lãi vay		11.150.368.241	14.990.673.378
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>89.003.072.534</b>	<b>90.426.664.734</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(28.300.964.849)	(7.279.213.859)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(75.391.228.438)	(9.169.705.922)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		4.166.714.990	11.328.296.894
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.253.736)	85.535.799
- Tiền lãi vay đã trả		(11.150.368.241)	(14.990.673.378)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.260.093.110)	(4.762.279.134)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.784.609.352	13.715.964.632
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.328.769.502)	(19.317.078.966)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(24.479.281.000)</b>	<b>60.037.510.800</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(433.939.398)	(17.684.554.765)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		61.905.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(20.250.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			3.034.416.075
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.537.624.261	261.048.333
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(19.084.410.137)</b>	<b>(14.389.090.357)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		954.473.736.487	602.633.267.629
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(893.605.198.558)	(612.253.923.696)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.717.023.100)	(26.257.834.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>45.151.514.829</b>	<b>(35.878.490.467)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>1.587.823.692</b>	<b>9.769.929.976</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>36.325.286.553</b>	<b>26.554.754.469</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			602.108
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>37.913.110.245</b>	<b>36.325.286.553</b>

*Lập, ngày 21 tháng 01 năm 2010*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Minh Tuấn

Trương Bình An Sơn

Bùi Tấn Hòa

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ Phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí Nghiệp In Bao Bì Và Phụ Liệu Thuốc Lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 lần đầu ngày 19/02/2004 (đăng ký lại lần 7 ngày 08/08/2008) do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 131.038.300.000 VND.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh:

- In trên bao bì.
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp.
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá.
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

### **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

##### 1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### 1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục công nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ ngắn hạn (dưới 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	03 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

#### *Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:*

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>166.349.200</b>	<b>179.125.500</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>37.746.761.045</b>	<b>36.146.161.053</b>
Tiền gửi VND	36.990.887.348	36.104.040.823
Tiền gửi ngoại tệ	755.873.697	42.120.230
<b>Tiền đang chuyển</b>	-	-
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn		
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>37.913.110.245</u></b>	<b><u>36.325.286.553</u></b>

#### Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2009 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn:	1.700.068.000	1.725.069.000
+ CK ngắn hạn là tương đương tiền	2.550.102.000	2.550.102.000
+ CK đầu tư ngắn hạn khác		
+ Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn(*)	(850.034.000)	(825.033.000)
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	1.700.068.000	1.725.069.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.700.068.000</u></b>	<b><u>1.725.069.000</u></b>

#### 3. Các khoản phải thu khác

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	171.047.000	-
4. Phải thu khác	1.715.835	25.353.973

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Tài sản thiếu chờ xử lý		
- Phải thu thuế TNCN		
- Phải thu khác	1.715.835	25.353.973
<b>Tổng cộng</b>	<b>172.762.835</b>	<b>25.353.973</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	1.827.335.267	5.783.255.175
- Nguyên liệu, vật liệu	189.367.631.818	126.679.136.259
- Công cụ, dụng cụ	131.587.538	236.543.435
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.139.302.096	2.172.971.103
- Thành phẩm	30.572.520.677	14.775.242.986
- Hàng hoá		
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>225.038.377.396</b>	<b>149.647.148.958</b>
<b>5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	-	<b>123.060.778</b>
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	
+ Thuế xuất, nhập khẩu	-	
+ Thuế thu nhập cá nhân		123.060.778
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>123.060.778</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>28.004.257.622</b>	<b>298.690.245.796</b>	<b>5.437.940.258</b>	<b>2.897.157.306</b>	<b>335.029.600.982</b>
<b>2. Số tăng trong kỳ</b>	-	-	<b>347.457.514</b>	<b>63.876.884</b>	<b>411.334.398</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua sắm mới			347.457.514	63.876.884	411.334.398
- Xây dựng mới					-
- Tăng khác					-
<b>3. Số giảm trong kỳ</b>	-	-	<b>126.085.333</b>	<b>8.000.000</b>	<b>134.085.333</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán			126.085.333		126.085.333
- Giảm khác				8.000.000	8.000.000
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>28.004.257.622</b>	<b>298.690.245.796</b>	<b>5.659.312.439</b>	<b>2.953.034.190</b>	<b>335.306.850.047</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>22.963.948.851</b>	<b>244.963.956.263</b>	<b>5.128.151.546</b>	<b>2.796.951.273</b>	<b>275.853.007.933</b>
<b>2. Khấu hao trong kỳ</b>	<b>955.661.991</b>	<b>23.123.276.175</b>	<b>212.077.179</b>	<b>88.680.524</b>	<b>24.379.695.869</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong kỳ	955.661.991	23.123.276.175	212.077.179	88.680.524	24.379.695.869
- Tăng khác					-
<b>3. Giảm trong kỳ</b>	-	-	<b>126.085.333</b>	<b>8.000.000</b>	<b>134.085.333</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán			126.085.333		126.085.333
- Giảm khác				8.000.000	8.000.000
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>23.919.610.842</b>	<b>268.087.232.438</b>	<b>5.214.143.392</b>	<b>2.877.631.797</b>	<b>300.098.618.469</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>5.040.308.771</b>	<b>53.726.289.533</b>	<b>309.788.712</b>	<b>100.206.033</b>	<b>59.176.593.049</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>4.084.646.780</b>	<b>30.603.013.358</b>	<b>445.169.047</b>	<b>75.402.393</b>	<b>35.208.231.578</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐH: 33.717.251.031 VND ( Máy in ống đồng 10 màu) đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 249.587.615.239 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không.

- Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: chưa có.

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: chưa có.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009***7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
1. Số dư đầu năm	15.502.607.589				15.502.607.589
2. Số tăng trong kỳ			22.605.000		22.605.000
<i>Bao gồm:</i>					-
- Mua trong kỳ			22.605.000		22.605.000
- Tạo ra từ nội bộ DN					-
- Tăng do hợp nhất KD					-
- Tăng khác (*)					-
3. Số giảm trong kỳ					-
<i>Bao gồm:</i>					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
4. Số dư cuối kỳ	15.502.607.589		22.605.000	-	15.525.212.589
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	6.690.749.608				6.690.749.608
2. Khấu hao trong kỳ	350.140.056				350.140.056
3. Giảm trong kỳ					-
<i>Bao gồm:</i>					-
- Thanh lý nhượng bán					-
- Giảm khác					-
4. Số dư cuối kỳ	7.040.889.664		-	-	7.040.889.664
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
1. Tại ngày đầu năm	8.811.857.981	-		-	8.811.857.981
2. Tại ngày cuối kỳ	8.461.717.925	-		-	8.484.322.925

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đơn vị dùng để thế chấp, cầm cố vay ngân hàng là: 8.461.717.925 VND



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Chi phí XDCB dở dang		
Trong đó: những công trình, hạng mục lớn		
- Mua sắm tài sản cố định	705.059.530	705.059.530
- Sửa chữa lớn tài sản cố định		
<b>Tổng cộng</b>	<b>705.059.530</b>	<b>705.059.530</b>

### 9. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Cổ phiếu Công Ty Chứng Khoán Nhất Việt	20.250.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.250.000.000</b>	<b>-</b>

### 10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Vay ngắn hạn	207.071.844.481	147.421.993.550
+ <i>Vay ngân hàng (VND)</i>	<i>39.700.000.000</i>	<i>45.200.000.000</i>
Trong đó:		
+ <i>Vay Ngân hàng Quốc tế</i>	<i>18.500.000.000</i>	
+ <i>Vay Ngân hàng Ngoại thương</i>	<i>21.200.000.000</i>	
+ <i>Vay ngân hàng (USD)</i>	<i>167.371.844.481</i>	<i>102.221.993.550</i>
Trong đó:		
+ <i>Vay Ngân hàng Ngoại Thương (4.828.644,38 USD)</i>	<i>86.631.300.875</i>	
+ <i>Vay Ngân hàng Đầu Tư &amp; Phát Triển (465.677,05 USD)</i>	<i>8.354.711.954</i>	
+ <i>Vay Ngân hàng China Trust (703.119,81 USD)</i>	<i>12.614.672.511</i>	
+ <i>Vay Ngân hàng VID Public Bank (3.331.540 USD)</i>	<i>59.771.159.141</i>	
- Vay dài hạn hạn đến hạn trả		
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả		
<b>Tổng cộng</b>	<b>207.071.844.481</b>	<b>147.421.993.550</b>

**Ghi chú:** Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản thế chấp và tín chấp.

### 11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
<b>11.1 Thuế phải nộp nhà nước</b>	<b>2.235.855.275</b>	<b>9.641.169.559</b>
1. Thuế GTGT đầu ra phải nộp		2.735.429.909
2. Thuế GTGT đầu ra hàng nhập khẩu	1.022.113.521	3.826.688.693

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
3. Thuế xuất, nhập khẩu	345.362.732	2.068.604.905
4. Thuế TNDN	692.014.766	1.010.446.052
5. Thuế tài nguyên	-	-
6. Thuế nhà đất	-	-
7. Tiền thuê đất	-	-
8. Các loại thuế khác	176.364.256	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	176.364.256	-
+ Các loại thuế khác		
<b>11.2 Các khoản phải nộp khác</b>	-	-
- Các khoản phí, lệ phí		
- Các khoản phải nộp khác		
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.235.855.275</b>	<b>9.641.169.559</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 12. Chi phí phải trả

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
<b>Tổng cộng</b>	-	-

### 13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<i>31/12/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Tài sản thừa chờ xử lý		-
- BHYT		-
- BHXH	108.225	-
- KPCĐ	47.797.359	75.625.619
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Cổ tức phải trả	7.572.900	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	160.994.294	79.557.300
- Phải trả - khuyến khích người LĐ giỏi		428.721.205
- Phải trả CNV-thưởng từ lương		2.337.663.452
- Nhận ký quỹ, cược ngắn hạn	151.529.200	193.720.000
- Các khoản vay mượn tạm thời	4.817.897.071	
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.185.899.049</b>	<b>3.115.287.576</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**14. Vốn chủ sở hữu****14.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	2	3	5	6	7	9
<b>- Số dư đầu năm trước</b>	<b>100.799.490.000</b>	<b>308.304.000</b>			<b>1.600.000.000</b>	<b>1.114.835.270</b>	<b>32.979.885.127</b>
<b>Tăng trong năm trước</b>	<b>30.238.810.000</b>	<b>500.000.300</b>	-	-	<b>200.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>49.139.690.772</b>
- Tăng vốn trong năm trước	30.238.810.000						
- Lợi nhuận tăng trong năm trước							49.139.690.772
- Trích lập quỹ		500.000.000			200.000.000	1.400.000.000	
- Tăng vốn trong năm	-						
- Tăng khác		300					
<b>Giảm trong năm trước</b>	<b>-</b>	<b>303.354.300</b>	-	-	-	-	<b>60.888.470.000</b>
- Bỏ sung vốn từ lợi nhuận							30.238.810.000
- Chia cổ tức năm trước							26.207.660.000
- Trích lập quỹ							4.442.000.000
- Phạt do vi phạm hành chính							
- Giảm khác		303.354.300					
<b>- Số dư cuối năm trước</b>	<b>131.038.300.000</b>	<b>504.950.000</b>	-	-	<b>1.800.000.000</b>	<b>2.514.835.270</b>	<b>21.231.105.899</b>
<b>- Số dư đầu năm nay</b>	<b>131.038.300.000</b>	<b>504.950.000</b>	-	-	<b>1.800.000.000</b>	<b>2.514.835.270</b>	<b>21.231.105.899</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>250.000.000</b>	-	-	<b>5.670.515.886</b>	<b>4.914.000.000</b>	<b>50.755.734.805</b>
- Tăng vốn	-						
- Lợi nhuận tăng trong kỳ							50.755.734.805
- Trích lập quỹ		250.000.000			5.670.515.886	4.914.000.000	
- Tăng khác							
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>750.000.000</b>	-	-	-	-	<b>28.216.111.886</b>
- Chia cổ tức							15.724.596.000
- Trích lập quỹ							12.491.515.886
- Giảm khác		750.000.000					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>131.038.300.000</b>	<b>4.950.000</b>	-	-	<b>7.470.515.886</b>	<b>7.428.835.270</b>	<b>43.770.728.818</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009***14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2009			Tại ngày 01/01/2009	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.830.400.000	66.830.400.000		66.830.400.000	66.830.400.000
Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	64.207.900.000	64.207.900.000		64.207.900.000	64.207.900.000
Thặng dư vốn cổ phần					
Cổ phiếu ngân quỹ(*)					

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

### 14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	131.038.300.000	131.038.300.000
+ Vốn góp đầu năm	131.038.300.000	100.799.490.000
+ Vốn góp tăng trong năm		30.238.810.000
+ Vốn góp giảm trong năm		-
+ Vốn góp cuối năm	131.038.300.000	131.038.300.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	15.724.596.000	26.207.660.000

**Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm nay:** Trả bổ sung 5% cổ tức năm 2008 bằng tiền mặt: 6.551.915.000 VND; Tạm ứng cổ tức năm 2009 bằng 7% vốn điều lệ: 9.172.681.000 VNĐ.

### 14.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: chưa công bố 25%
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

### 14.5. Cổ phiếu

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.103.830	13.103.830
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu thường	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu thường	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
<b>14.6. Các quỹ của doanh nghiệp</b>		
- Quỹ đầu tư phát triển	7.470.515.886	1.800.000.000
Trong đó: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.457.000.000	1.800.000.000

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

- Quỹ dự phòng tài chính	7.428.835.270	2.514.835.270
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.950.000	504.950.000
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.220.511.466	1.047.679.857

### Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

#### 14.6.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

#### 14.6.2. Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để

- Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

#### 14.6.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

#### 14.6.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**Đơn vị tính: VND***15. Doanh thu**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
<b>15.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.149.967.803.965</b>	<b>923.690.086.295</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	1.149.030.373.914	922.764.425.268
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	937.430.051	925.661.027
<b>15.2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại		
+ Thuế GTGT phải nộp (trực tiếp)		
+ Thuế TTĐB		
+ Thuế xuất khẩu		
<b>15.3 Doanh thu thuần</b>	<b>1.149.967.803.965</b>	<b>923.690.086.295</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu thu ần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	1.149.030.373.914	922.764.425.268
+ Doanh thu thu ần trao đổi dịch vụ	937.430.051	925.661.027

**16. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.477.594.977	664.259.517
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.029.284	223.715.000
- Chênh lệch tỷ giá thanh toán đã thực hiện	20.314.852	2.875.784.099
- Chênh lệch tỷ giá thanh toán chưa thực hiện		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		683.360.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.557.939.113</b>	<b>4.447.118.616</b>

**17. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.171.647.543	18.589.486.267
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.015.485.706.452	801.493.340.322
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	937.430.051	925.661.027
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	13.624.437	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.026.608.408.483</b>	<b>821.008.487.616</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Đơn vị tính: VND

**18. Chi phí tài chính**

	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
- Chi phí lãi vay	11.150.368.241	14.990.673.678
- Lỗi chênh lệch tỷ giá thanh toán đã thực hiện	34.440.096.460	18.782.353.131
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	308.949.611
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	25.001.000	825.033.000
- Chi phí tài chính khác		7.153.925
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.615.465.701</b>	<b>34.914.163.045</b>

**19. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.941.661.824	3.338.593.740
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.941.661.824</b>	<b>3.338.593.740</b>

**20. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

<b>Chỉ tiêu</b>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
20.1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	976.012.173.556	759.434.364.925
20.2. Chi phí nhân công	31.568.576.253	25.366.615.236
20.3. Chi phí dụng cụ sản xuất		
21.4. Chi phí khấu hao TSCĐ	25.473.559.340	22.991.724.176
22.5. Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.905.903.617	4.151.742.170
23.6. Chi phí khác bằng tiền	19.349.200.325	9.483.577.428
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.057.309.413.091</b>	<b>821.428.023.935</b>

**VII. Những thông tin khác****1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với công ty gồm:

**Bên liên quan**

Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam

Công Ty Thuốc Lá An Giang

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ

Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**Đơn vị tính: VND*

Công Ty Thuốc Lá Bến Tre	Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
Công Ty Thuốc Lá Cửu Long	Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
Công Ty Thuốc Lá Đồng Tháp	Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
Công Ty Thuốc Lá Bắc Sơn	Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
Công Ty Thuốc Lá Long An	Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
Công Ty Thuốc Lá Sài Gòn	Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
Công Ty Thuốc Lá Thanh Hóa	Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
Công Ty Thuốc Lá Thăng Long	Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
Công Ty Thuốc Lá Hải Phòng	Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
Công Ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc Lá	Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
Công Ty Thương Mại Thuốc Lá	Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ

Công ty thực hiện các giao dịch mua bán chủ yếu với các bên liên quan trên.

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

**Người lập biểu****Kế toán trưởng***Lập, ngày 21 tháng 01 năm 2010***Giám đốc****Bùi Minh Tuấn****Trương Bình An Sơn****Bùi Tấn Hòa**